TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 217/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 06-9-2023
"V/v không công nhận vợ chồng"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Hồng Thắm.
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Nguyễn Hoàng Dân
Bà Trương Ánh Hoa

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Cúc - Là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Trong ngày 06 tháng 9 năm 2023, tại trụ điểm cầu trung T Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau và điểm cầu thành phần tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau. Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau tiến hành xét xử sơ thẩm công khai trực tuyến vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 509/2023/TLST-HNGĐ, ngày 09/8/2023 về việc Tranh chấp xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 289/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 17/8/2023, giữa:

Nguyên đơn: Bà Lâm Thị G, sinh năm 1971 (có mặt).
Bị đơn: Ông Nguyễn Chí T, sinh năm 1975 (xin vắng mặt).
Cùng địa chỉ cư trú: Hẻm 55, đường L, khóm 7, phường 6, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Lâm Thị G trình bày:
Về hôn nhân: Bà Lâm Thị G và ông Nguyễn Chí T tổ chức đám cưới, chung sống với nhau từ năm 1997, hôn nhân tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Nhận thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, do đó bà G yêu cầu xin ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà Lâm Thị G và ông Nguyễn Chí T có 03 người con chung tên: Nguyễn Thị Như H, sinh ngày 10/10/2004; Nguyễn Thanh Ph, sinh ngày 12/12/2001; Nguyễn Chí T1, sinh ngày 12/5/1999. Hiện các con chung đã thành niên, có khả năng lao động nên bà G không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung và tài sản chung: Bà Lâm Thị G xác định bà và ông Nguyễn Chí T không có tài sản chung và nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Chí T trình bày:

Về hôn nhân: Ông Nguyễn Chí T và bà Lâm Thị G tổ chức đám cưới, chung sống với nhau từ năm 1997, hôn nhân tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Nhận thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, do đó ông T đồng ý ly hôn với bà G.

Về con chung: Ông Nguyễn Chí T và bà Lâm Thị G có 03 người con chung tên: Nguyễn Thị Như H, sinh ngày 10/10/2004; Nguyễn Thanh Ph, sinh ngày 12/12/2001; Nguyễn Chí T1, sinh ngày 12/5/1999. Hiện các con chung đã thành niên, có khả năng lao động nên ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung và tài sản chung: Ông Nguyễn Chí T xác định ông và bà Lâm Thị G không có tài sản chung và nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bận việc nên ông T yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt.

NHẬN **ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Bị đơn ông Nguyễn Chí T xin vắng mặt tại phiên tòa, do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[2] Bà Lâm Thị G và ông Nguyễn Chí T xác định ông, bà tổ chức đám cưới, chung sống với nhau từ năm 1997, hôn nhân tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn, thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Bà G cho rằng hiện cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, nên xin ly hôn với ông T. Xét việc bà G xin ly hôn và được ông T đồng ý, đây là ý chí tự nguyện của các bên, nhưng do ông, bà không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, do đó, Hội đồng xét xử thấy cần tuyên bố không công nhận bà Lâm Thị G và ông Nguyễn Chí T là vợ chồng.

[3] Bà Lâm Thị G và ông Nguyễn Chí T có 03 người con chung tên: Nguyễn Thị Như H, sinh ngày 10/10/2004; Nguyễn Thanh Ph, sinh ngày 12/12/2001; Nguyễn Chí T1, sinh ngày 12/5/1999. Hiện các con chung đã thành niên, có khả năng lao động nên bà G và ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Bà Lâm Thị G và ông Nguyễn Chí T xác định ông, bà không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ: Các Điều 9, 14, 53 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Không công nhận bà Lâm Thị G và ông Nguyễn Chí T là vợ chồng.

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Lâm Thị G phải nộp 300.000 đồng. Ngày 08/8/2023, bà G có nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng, theo biên lai thu số 0003856, tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau, được chuyển thu nộp ngân sách nhà nước.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Hồng Thắm

Nơi nhận:
- *VKSND Tp. Cà Mau;*
- *Chi cục THADS Tp Cà Mau;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu.*